

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ A
TỈNH BÌNH ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 89/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 03-04-2025
V/v “Ly hôn và tranh chấp về
nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ A, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Duy Minh.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Trần Anh Dũng;
- Bà Trương Thị Hiệp.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Mang Đức Kham - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Bình Định.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Thanh Liêm - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 04 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 32/2025/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2025 về “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 300/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 495/2025/QĐST-DS ngày 13 tháng 3 năm 2025; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Võ Thị Phương D, sinh năm: 1992 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn H, xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định.

Bị đơn: Anh Bùi Văn P, sinh năm: 1988 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn H, xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện, các giai đoạn tố tụng tiếp theo và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Võ Thị Phương D trình bày:

Trước khi cưới, chị và anh Bùi Văn P tìm hiểu nhau trong thời gian khoảng hai tháng. Cả hai tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn vào ngày 26/11/2015 tại Ủy ban

nhân dân phường B, thị xã A. Cuộc sống vợ chồng ngay từ thời gian đầu đã không hạnh phúc. Nguyên nhân mâu thuẫn là do thời gian tìm hiểu ngắn, vợ chồng bất đồng quan điểm sống và thường xuyên kinh cãi. Trong lúc nóng giận, anh P có đánh chị. Vợ chồng không còn sống chung với nhau từ năm 2024 đến nay. Chị xác định không còn tình cảm với anh P nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

Vợ chồng có một người con chung tên Bùi Gia K, sinh ngày 03/9/2016. Hiện nay con chung đang ở với anh P. Chị yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Mặc dù đã được Tòa án giải thích về quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nhưng chị không yêu cầu anh P phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị không tranh chấp về tài sản chung và nợ chung.

Theo các lời khai tại hồ sơ, bị đơn anh Bùi Văn P trình bày:

Trước khi cưới, anh và chị Võ Thị Phương D có tìm hiểu nhau khoảng một năm. Cả hai tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn ngày 26/11/2015 tại Ủy ban nhân dân phường B, thị xã A.

Cuộc sống vợ chồng thời gian đầu có hạnh phúc. Tuy nhiên khoảng năm 2024 thì vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Hơn nữa, anh nghi ngờ chị D có tình cảm với người đàn ông khác. Ngoài ra anh thừa nhận trong lúc nóng giận anh có đánh chị D. Vợ chồng không còn sống chung từ năm 2024 đến nay. Từ khi không còn sống chung, anh và chị D ít khi nói chuyện với nhau, thỉnh thoảng anh thuyết phục chị D quay lại sống chung nhưng chị D không đồng ý. Anh xác định còn tình cảm với chị D nên không đồng ý ly hôn. Trường hợp chị D cương quyết ly hôn thì anh đồng ý.

Vợ chồng có một người con chung tên Bùi Gia K, sinh ngày 03/9/2016. Hiện nay con chung đang ở với anh. Nếu ly hôn, anh yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Mặc dù đã được Tòa án giải thích về quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nhưng anh xác định không yêu cầu chị D phải cấp dưỡng nuôi con. Anh không đồng ý với nội dung biên bản lấy ý kiến của con chung ngày 19/02/2025. Anh cho rằng việc Tòa án lấy ý kiến của con chung chưa thành niên mà không có mặt đầy đủ cha và mẹ của con là không đúng thành phần. Anh yêu cầu Tòa án phải thực hiện việc lấy ý kiến của con chưa thành niên với sự chứng kiến của cha và mẹ.

Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Võ Thị Phương D và anh Bùi Văn P.
2. Buộc anh Bùi Văn P phải giao con chung Bùi Gia K, sinh ngày 03/9/2016 hiện đang ở với anh P cho chị D trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục sau khi ly hôn. Chị D không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.
3. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên miễn xét.
4. Về án phí: Ghi nhận sự tự nguyện của chị Võ Thị Phương D chịu 150.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị Võ Thị Phương D yêu cầu Tòa án giải quyết “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con” với anh Bùi Văn P có địa chỉ cư trú tại thôn H, xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Bình Định có thẩm quyền giải quyết vụ án.

[2] Anh Bùi Văn P đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, không có Đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh P.

[3] Chị Võ Thị Phương D và anh Bùi Văn P đủ điều kiện kết hôn, tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 26/11/2015 tại Ủy ban nhân dân phường B. Theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình, quan hệ hôn nhân giữa chị Võ Thị Phương D và anh Bùi Văn P là hợp pháp.

[4] Chị Võ Thị Phương D và anh Bùi Văn P đều thừa nhận quá trình chung sống đã xảy ra nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn được. Quá trình giải quyết vụ án, chị Võ Thị Phương D vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn và anh Bùi Văn P đồng ý. Do đó theo quy định tại Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Võ Thị Phương D và anh Bùi Văn P.

[5] Chị Võ Thị Phương D và anh Bùi Văn P có một người con chung là cháu Bùi Gia K, sinh ngày 03/9/2016. Hiện nay con chung đang ở với anh Bùi Văn P. Anh P không đồng ý với nội dung biên bản lấy ý kiến của con chung ngày 19/02/2025. Anh P cho rằng việc Tòa án lấy ý kiến của con chung chưa thành niên mà không có mặt đầy đủ cha và mẹ của con là không đúng thành phần. Anh P yêu cầu Tòa án phải thực hiện việc lấy ý kiến của con chưa thành niên với sự chứng kiến của cha và mẹ. Xét thấy, theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 6 của Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao (sau đây gọi là Nghị quyết số 01) thì việc lấy ý kiến của con chưa thành niên từ đủ 07 tuổi trở lên quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình và khoản 3 Điều 208 của Bộ luật Tố tụng dân sự phải bảo đảm yêu cầu không lấy ý kiến trước mặt cha, mẹ để tránh gây áp lực tâm lý cho con. Việc Tòa án

lấy ý kiến của cháu K mà không có mặt của chị D và anh P là để tránh gây áp lực tâm lý cho cháu K. Do đó, ý kiến của anh P là không phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 6 của Nghị quyết số 01 nên Hội đồng xét xử không chấp nhận. Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết thực hiện lại việc lấy ý kiến của con chưa thành niên với sự chứng kiến của cha và mẹ của cháu K.

[6] Chị Võ Thị Phương D yêu cầu trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung nhưng anh Bùi Văn P không đồng ý. Xét thấy, theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, khi giải quyết ly hôn Tòa án phải xem xét nguyện vọng của con từ đủ 07 tuổi trở lên. Điều này thể hiện nguyên tắc tôn trọng ý chí và quyền tự quyết của trẻ em khi đã đạt đến độ tuổi có thể nhận thức và bày tỏ mong muốn của mình. Không chỉ đơn thuần là một tiêu chí tham khảo, nguyện vọng của cháu K được coi là yếu tố quan trọng, mang tính quyết định nếu không có căn cứ hợp lý để bác bỏ. Việc cháu K thể hiện mong muốn ở với mẹ phản ánh sự gắn bó tình cảm sâu sắc cũng như cảm giác an toàn, tin tưởng mà cháu dành cho mẹ. Trong các giai đoạn phát triển tâm lý, đặc biệt với trẻ ở lứa tuổi này, yếu tố ổn định về mặt tinh thần và tình cảm đóng vai trò then chốt trong việc hình thành nhân cách, tư duy và cảm xúc của cháu K. Do đó, việc giao cháu K cho chị D trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục giúp cháu K duy trì sự ổn định về mặt tâm lý, tình cảm, tránh những ảnh hưởng tiêu cực có thể xảy ra nếu bị buộc sống trong một môi trường mà cháu K không mong muốn. Sau khi cân nhắc quyền lợi về mọi mặt của cháu K cũng như quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình và khoản 1 Điều 6 của Nghị quyết số 01, Hội đồng xét xử giao cháu K cho chị D trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục sau khi ly hôn.

[7] Mặc dù đã được Tòa án giải thích về quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nhưng chị D vẫn không yêu cầu anh P phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử ghi nhận và không xem xét.

[8] Chị D và anh P không yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[9] Về án phí: Theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, chị D và anh P mỗi người phải chịu 75.000 đồng án phí ly hôn. Tuy nhiên, tại phiên tòa chị D tự nguyện chịu toàn bộ án phí 150.000 đồng nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[10] Ý kiến của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 8, Điều 9, Điều 55, khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Áp dụng Điều 6, khoản 3 Điều 11 của Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Võ Thị Phương D và anh Bùi Văn P.

2. Buộc anh Bùi Văn P phải giao cháu Bùi Gia K, sinh ngày 03 tháng 9 năm 2016 cho Võ Thị Phương D trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục sau khi ly hôn. Anh Bùi Văn P không cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc làm ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con khi có yêu cầu theo quy định của pháp luật.

3. Không giải quyết về tài sản chung và nợ chung.

4. Về án phí: Chị Võ Thị Phương D tự nguyện chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn nhưng được trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005815 ngày 17/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A. Chị Võ Thị Phương D được hoàn trả số tiền chênh lệch là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

5. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc niêm yết Bản án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND thị xã A;
- Chi cục THADS thị xã A;
- Phòng Thanh tra, Kiểm tra & Thi hành án TAND tỉnh Bình Định;
- UBND phường B (để biết);
- Lưu: Văn phòng; Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Duy Minh